

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 22/5/2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel
2. Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Đò Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở tại: Số 02 LH, Phường T, Quận B, Thành Phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền số 23/UQ.NHNN₀.BX, ngày 24/02/2020) (có mặt).

Địa chỉ: Số 11 đường L, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh S.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã B, huyện K, tỉnh S.

Tạm trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh V.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy N trình bày:

Nguyên vào ngày 04 tháng 01 năm 2017 ông Nguyễn Tấn K có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng số tiền là: 1.250.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm (lãi suất nợ quá hạn là 16,5%/năm) dùng vào mục đích: Mua Ôtô đầu kéo + somi romoóc; thời hạn cho vay tối đa 60 tháng; mỗi tháng trả gốc 21.000.000 đồng + lãi phát sinh (Theo hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700006/HĐTD ngày 04 tháng 01 năm 2017 có kèm phụ lục hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ). Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Tấn K đã không thực hiện trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 16/05/2019, ông Nguyễn Tấn Khánh còn nợ tiền vay của Ngân hàng N - Ba Xuyên Sóc Trăng, số tiền gốc: 1.072.500.000 đồng, số tiền lãi 101.588.819 đồng. Tổng số gốc lãi là 1.174.088.819 đồng.

Đồng thời khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 7611LAV201700006/HĐTD ngày 04 tháng 01 năm 2017 được bảo đảm bằng tài sản là Giấy chứng nhận đăng ký xe Ôtô số 006174 biển số 83C-050.43 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/12/2016 và Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc số 000129 biển số 83R-001.11 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/12/2016 cho ông Nguyễn Tấn K đã được Văn phòng công chứng Trần Văn Năm tỉnh Sóc Trăng công chứng việc thế chấp để đảm bảo số nợ vay nêu trên (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/HĐTC ngày 04/01/2017). Mặc dù, Ngân hàng N - Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, gửi giấy mời ông Nguyễn Tấn K đến trụ sở làm việc nhưng ông Nguyễn Tấn K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N phải hoàn trả nợ cho Ngân hàng N, Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng, số tiền gốc: 1.072.500.000 đồng, số tiền lãi 101.588.819 đồng. Tổng số gốc lãi là 1.174.088.819 đồng và các khoản chi phí khác cộng với số tiền lãi phát sinh đến khi trả tất nợ cho Ngân Hàng.

-Trường hợp ông Nguyễn Tấn K không thanh toán nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 04/01/2017 được ký giữa ông (bà): Nguyễn Tấn K - Nguyễn Thị Hồng N và Ngân hàng N Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/10/2019 bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, bà thống nhất với khoản nợ vay và đồng ý trả khoản nợ vay. Trường hợp không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là xe Ô tô số 006174 biển số 83C-050.43 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/12/2016 và 01 sơ mi rơ moóc số 000129 biển số 83R-001.11 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/12/2016.

Đối với ông Nguyễn Tấn K Tòa án không tiến hành lấy lời khai được. Vì ông thường xuyên lái xe đi tuyến Bắc – Nam. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn Nguyễn Tấn K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ các bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng các bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N. Ông Nguyễn Tấn K hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã B, huyện K, tỉnh S, Tạm trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh V; bà Nguyễn Thị Hồng N hộ khẩu

thường trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh V theo quy định tại khoản 3 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn ông K và bà N.

Về nội dung:

[3]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng – khách hàng cá nhân số 7611-LAV-201700006 ngày 04/01/2017: Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 04/01/2017 chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Văn Năm, tỉnh Sóc Trăng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, các bên trong hợp đồng thế chấp đã tự nguyện giao kết, nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu: INTERNATIONAL; số loại: PROSTAR; Màu đỏ; số máy: 5HM2Y4158182; số khung: SJR3DN238839; Tải trọng: 23.601kg; Số chỗ ngồi: 02 chỗ; biển số: 83C-050.43 và 01 sơ mi rơ móc nhãn hiệu: CIMC; màu xanh; số khung 2382F2005820; Tải trọng: 30.520kg; biển số 83R-001.11. Thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 1.072.500.000 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 7611-LAV-201700006 ngày 04/01/2017 thì phía Ngân hàng N với ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N thỏa thuận số tiền ông K và bà N vay của Ngân hàng số tiền 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức vay là từng lần, trả nợ gốc theo kỳ hàng tháng trả gốc 21.000.000 đồng + lãi phát sinh. Theo hợp đồng tín dụng trên thì các bên đã ký hợp đồng phụ lục số 7611-LAV-201700006/PLHĐ ngày 04/01/2017 phía Ngân hàng đã cho ông K và bà N nhận số tiền vay là 1.250.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá

trình vay vốn ông K và bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, ông K và bà N chỉ trả được số tiền gốc là 177.500.000 đồng còn nợ lại tiền gốc là 1.072.500.000 đồng. Do ông K và bà N vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc ông K và bà N phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông K và bà N trả số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 14/9/2018 đến ngày 22/5/2020 là 203.467.152 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 30/12/2019 đến ngày 22/5/2020 là 23.758.854 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 7611-LAV-201700006 ngày 04/01/2017 các bên thỏa thuận về lãi suất cũng như nghĩa vụ trả lãi suất khi vay vốn. Trong quá trình vay vốn ông K và bà N chỉ trả được số tiền lãi là 213.628.919 đồng (tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày 13/9/2018) còn nợ lại tiền lãi trong hạn là 203.467.152 đồng (tính từ ngày 14/9/2018 đến ngày 22/5/2020); tiền lãi quá hạn là 23.758.854 đồng (tính từ ngày 30/12/2019 đến ngày 22/5/2020). Tổng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 227.226.006 đồng. Như vậy ông K và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nên phía Ngân hàng yêu cầu trả lãi trong hạn từ ngày 14/9/2018 đến ngày 22/5/2020 là 203.467.152 đồng và lãi quá hạn từ ngày 30/12/2019 đến ngày 22/5/2020 là 23.758.854 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Bị đơn cũng đồng ý với số nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện và đồng ý trả nợ. Nếu không trả nợ được đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 22/5/2020 là: 1.299.726.006 đồng (trong đó tiền gốc 1.072.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn 203.467.152 đồng, lãi quá hạn 23.758.854 đồng).

[8] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 23/5/2020 đến khi ông K và bà N trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 04/01/2017 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh Ba Xuyên thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không

thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu: INTERNATIONAL; số loại: PROSTAR; Màu đỏ; số máy: 5HM2Y4158182; số khung: SJR3DN238839; Tải trọng: 23.601kg; Số chỗ ngồi: 02 chỗ; biển số: 83C-050.43 và 01 sơ mi rơ móc nhãn hiệu: CIMC; màu xanh; số khung 2382F2005820; Tải trọng: 30.520kg; biển số 83R-001.11. Do tài sản không cố định thường hay di chuyển và liên tục chạy tuyến Bắc – Nam nên Ngân hàng N - Chi nhánh Ba Xuyên yêu cầu không thẩm định tài sản thế chấp. Việc thế chấp các tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không trả được nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản của người thế chấp 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu: INTERNATIONAL; số loại: PROSTAR; Màu đỏ; số máy: 5HM2Y4158182; số khung: SJR3DN238839; Tải trọng: 23.601kg; Số chỗ ngồi: 02 chỗ; biển số: 83C-050.43 và 01 sơ mi rơ móc nhãn hiệu: CIMC; màu xanh; số khung 2382F2005820; Tải trọng: 30.520kg; biển số 83R-001.11 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ: Điều 317; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền gốc vay còn nợ là 1.072.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/5/2019 là 203.467.152 đồng, lãi quá hạn 23.758.854 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.299.726.006 đồng.

Kể từ ngày 23/5/2020 bị đơn ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7611-LAV-201700006 ngày 04/01/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu: INTERNATIONAL; số loại: PROSTAR; Màu đỏ; số máy: 5HM2Y4158182; số khung: SJR3DN238839; Tải trọng: 23.601kg; Số chỗ ngồi: 02 chỗ; biển số: 83C-050.43 và 01 sơ mi rơ móc nhãn hiệu: CIMC; màu xanh; số khung 2382F2005820; Tải trọng: 30.520kg; biển số 83R-001.11.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tấn K và bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 50.991.780 đồng.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.611.300 đồng theo biên lai số 0007740 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Các bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm

